

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *191* / BC-UBND

Thường Xuân, ngày *11* tháng *7* năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chương trình 135; Chính sách theo quyết định số 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tại huyện Thường Xuân.

Thực hiện công văn số 6716/UBND-VX ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban Ban Dân tộc về việc thanh tra thực hiện một số dân tộc tại tỉnh Thanh Hóa .UBND huyện Thường Xuân tổng hợp báo cáo kết quả như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH.

Toàn huyện có 17 đơn vị hành chính, trong đó 16 xã và 01 thị trấn, (09 xã thuộc KVIII; 04 xã KVII có 12 thôn được đầu tư CT135). Dân số toàn huyện là: 94.383 người và 22.457 hộ; dân tộc Thái chiếm 55,5%; dân tộc Kinh chiếm 41,2%, dân tộc Mường chiếm 3,3%. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2017 theo tiêu chí nghèo đa chiều là 4.813 hộ, chiếm tỷ lệ 21,43%; hộ cận nghèo 4.160 hộ chiếm 18,64%; hộ nghèo là người DTTS là 3.862 hộ, chiếm tỷ lệ 80,24% so với tổng số hộ nghèo trên toàn huyện; hộ cận nghèo DTTS là 2.911 hộ chiếm 69,98% so với tổng số hộ cận nghèo trên toàn huyện.

II. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH :

1. Thuận lợi.

Chính sách dân tộc nói chung, chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo vùng ĐBKK nói riêng được cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp quan tâm tập trung chỉ đạo thực hiện, cùng với sự phối hợp của các cơ quan, ban ngành khối đoàn thể trong việc đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các chính sách của Trung ương và tỉnh về công tác dân tộc và chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo ở miền núi, chính hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo được triển khai thực hiện đảm bảo đúng đối tượng, đầy đủ và kịp thời.

2. Khó khăn.

- Địa hình miền núi phức tạp, khó khăn đi lại, việc giao nhận hàng hóa không vận chuyển đến hết tại các thôn bản, chủ yếu giao nhận tại Trung tâm xã.

- Trình độ dân trí thấp, nhận thức về ý nghĩa, mục đích của chính sách đối với một số cán bộ và nhân dân còn hạn chế, gây khó khăn trong công tác thực hiện cấp phát, quản lý và thanh quyết toán kinh phí.

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp chưa quan tâm tập trung chỉ đạo, việc thực hiện giám sát, quản lý các chính sách, còn giao khoán cho cán bộ chính sách thực hiện, chưa thực hiện tốt việc lồng ghép các chương trình chính sách nên hiệu quả chưa cao.

III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH.

1. Tiểu dự án hỗ trợ PTSX.

Đối với dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135, UBND huyện giao cho xã làm chủ đầu tư; Phòng Nông nghiệp - Phát triển nông thôn thẩm định hồ sơ, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện;

- Vốn kế hoạch, vốn thực hiện (kể cả nguồn vốn khác): 6.130 trđ
- Vốn đã phân bổ cho các nội dung hỗ trợ đầu tư PTSX: 6.130 trđ
- Số hộ hưởng lợi: 3.501 hộ
- Tỷ lệ giải ngân (100%).

(có phụ biểu kèm theo)

2. Dự án Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng:

UBND huyện giao cho Ban Quản lý các dự án của huyện phối hợp với các phòng ban chuyên môn, UBND các xã thực hiện nhiệm vụ khảo sát, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình, lựa chọn nhà thầu thi công, giám sát, chỉ đạo thực hiện xây dựng các công trình.

a) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

- Tổng 02 năm 2016 và 2017: Ban quản lý dự án làm chủ đầu tư 34 công trình: Trong đó trả nợ 15 công trình đã quyết toán năm 2016, bố trí vốn cho 15 công trình khởi công mới năm 2017 và duy tu bảo dưỡng 4 công trình.

Dự kiến trong năm 2018, Ban quản lý dự án làm chủ đầu tư 11 dự án khởi công mới và 01 dự án duy tu. Bố trí vốn cho 06 dự án chuyển tiếp năm 2017. cụ thể:

- Vốn kế hoạch, vốn thực hiện: 24.885 tr đ;
- Vốn đã phân bổ, triển khai thực hiện đầu tư cho các công trình CSHT: 24.439 trđ
- Số công trình do xã làm chủ đầu tư: 02 công trình.
- Tỷ lệ giải ngân: 97,86%

(Phụ biểu chi tiết mẫu số 01, 02 kèm theo)

Đối với các dự án thực hiện năm 2016, 2017 kế hoạch vốn kịp thời, đảm bảo không gây nợ đọng XDCB. Tiến độ giải ngân của Chủ đầu tư cũng cơ bản đạt kế hoạch đề ra trong năm, có 02 công trình tiến độ giải ngân thấp dưới 60% do điều kiện

khách quan nên công trình mới đưa vào thi công, khối lượng hoàn thành chưa đảm bảo để tiếp tục giải ngân.

Dự kiến trong năm 2018, sẽ trả nợ sau quyết toán toàn bộ các công trình khởi công năm 2017. Thi công và giải ngân đạt kế hoạch đề ra.

b) Duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng.

- Duy tu bảo dưỡng 4 công trình
- Vốn kế hoạch, vốn thực hiện (kể cả nguồn vốn khác). 1.838 trđ
- Vốn đã phân bổ thực hiện duy tu, bảo dưỡng cho các công trình CSHT: 1.775 trđ
- Tỷ lệ giải ngân (96,5%).

3 - Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK.

- Quyết định số 1592/QĐ-TTg ngày 12/10/2009 và Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013. Kết quả thực hiện cụ thể:

- Hỗ trợ đất sản xuất cho: 04 hộ/ 5.500m²;
- Hỗ trợ mua sắm máy móc nông cụ chuyển đổi nghề cho: 1.066 hộ/ 5.330 triệu đồng (5.000 tr đ/ hộ);
- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho: 1.524 hộ/ 1.981,2 triệu đồng(5.000 tr đ/ hộ);
- Đánh giá hiệu quả chính sách;

Chính sách đặc thù dành cho hộ nghèo vùng ĐBKK và hộ nghèo người đồng bào DTTS, là chính sách hợp lòng dân, đáp ứng được mong đợi của đồng bào, tháo gỡ những bức bách, khó khăn của địa phương về thiếu đất sản xuất và nước sinh hoạt. Các giải pháp hỗ trợ chuyển đổi nghề, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động là những giải pháp quan trọng cho địa phương không còn quỹ đất để cấp cho đồng bào.

- Những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện chính sách và nguyên nhân;

Do định mức hỗ trợ từ nguồn kinh phí TW thấp, nguồn kinh phí địa phương khó khăn không cân đối bổ sung được, việc tổ chức lồng ghép các Chương trình mục tiêu khác còn hạn chế, nhất là quy định xây dựng các công trình nước sinh hoạt tập trung nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch VSMTNT, học nghề tạo việc làm... Công tác vận hành, quản lý sử dụng công trình (nước sinh hoạt tập trung) ở một số địa phương chưa tốt, công trình hư hỏng, xuống cấp nhưng chưa kịp thời được sửa chữa.

- Đề xuất, kiến nghị:

Trung ương, Tỉnh có giải pháp kiên quyết thu hồi đất của các Nông trường, Lâm trường, Công ty sử dụng không hiệu quả, không đúng mục đích, để hoang hóa bàn giao cho các địa phương quản lý và giao lại cho các hộ đồng bào dân tộc nghèo đang

thiếu đất ở, đất sản xuất. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách theo Quyết định 2085/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 – 2020.

1.3 - Chính sách cho người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số miền núi.

- Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 18/3/2011 và Quyết định số 56/QĐ-TTg ngày 07/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả thực hiện:

+ Tổng kinh phí tặng quà tết ngày lễ tết cho người có uy tín: 399,6 triệu đồng/3.600 lượt người;

+ Tổng kinh phí tập huấn, học tập kinh nghiệm: 583,3 triệu đồng/756 lượt người;

+ Tổng kinh phí thăm hỏi ốm đau: 5,5 triệu đồng/11 lượt người;

+ Cấp đầy đủ ấn phẩm báo, tạp chí hàng kỳ cho người có uy tín theo quy định.

- Đánh giá hiệu quả chính sách; Phát huy tốt vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đối với công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc thu được nhiều kết quả tích cực, góp phần thiết thực trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện chính sách và nguyên nhân; Nhận thức và cách làm của một số cấp ủy, chính quyền chưa thống nhất, chưa thấy hết vị trí, vai trò của người có uy tín nên chưa quan tâm chỉ đạo, phân công quản lý, phân cấp vận động và bố trí nguồn kinh phí phù hợp để triển khai thực hiện.

- Đề xuất, kiến nghị: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 12/ QĐ – TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

- Đề nghị Trung ương tăng thêm định mức đầu tư cho các Chương trình dự án, các chính sách cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là Chương trình đặc thù như CT.135 giai đoạn III, vì nguồn vốn cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn như hiện nay là quá thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu để hoàn thành các hạng mục công trình hạ tầng cơ sở cũng như nhu cầu vốn để phát triển sản xuất.

- Về cơ chế quản lý nên thống nhất quan điểm chỉ đạo từ Trung ương đến địa phương tập trung về một đầu mối tránh tình trạng chồng chéo trong công tác lãnh, chỉ đạo ở một số nội dung, chính sách.

- Tăng cường ý thức trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền địa phương để tổ chức thực hiện các chính sách của Trung ương và của tỉnh về công tác dân tộc và chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo ở miền núi, vùng cao trên địa bàn; tham mưu đề xuất, rút kinh nghiệm thực tiễn để kiến nghị cấp trên hoạch định, sửa đổi chính sách phù hợp với thực tế địa phương.

Trên đây là tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chương trình 135 (2015-2018) và chính sách theo Quyết định 755 của Chính phủ. UBND huyện Thường Xuân báo cáo Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp và tiếp tục chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh
- Ban Dân tộc tỉnh (B/C)
- T.Trực Huyện ủy, HĐND (BC);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu VT,DT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH
Cầm Bá Đình

TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN CỦA QUYẾT ĐỊNH 755/QĐ-TTg TỪ NĂM 2014-2017 TẠI HUYỆN THƯỜNG XUÂN

(Kèm theo Báo cáo của UBND huyện Thường Xuân) *M.17/2018 của UBND huyện Thường Xuân*

DVT: ngđ

Số TT	Nội dung	Địa điểm	Dự toán ban đầu	Dự toán điều chỉnh	Khối lượng thực hiện	Tỷ lệ % so với Dự toán duyệt	Vốn KH đã giao	Vốn giải ngân		Tỷ lệ % so với vốn kế hoạch	Công trình đã được thanh tra (Số kết luận TTra)
								Vốn thanh toán	Vốn quyết toán		
1	2	3	4	5	6	7=6/4 hoặc 5	8	9	10	11=10 hoặc 9/8	12
I	CÔNG TRÌNH NƯỚC SINH HOẠT TẬP TRUNG										
	Công trình nước sạch thôn Khảm xã Vạn Xuân	xã vạn Xuân	1.175.285		865.000	0,736	1.000.000	865.000	1.052.888	1,053	Chưa
II	DUY TU BẢO DƯỠNG										
1	Công trình 1										
2	Công trình 2										
3	Công trình.....										



QUÁ TRÌNH HIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN
(Kèm theo báo cáo lập hồ sơ dự án và báo cáo thẩm định của UBND ngày 06 tháng 6 năm 2018 của UBND huyện Thường Xuân)

STT	Đanh mục công trình	Quy mô	Đơn vị lập BC KTKT, KSTK- ĐT	Đơn vị quản tra KSTK- ĐT	Đơn vị thi công	Tư vấn giám sát	Dự toán phê duyet (Tr.đ)	Kế hoạch vốn (Tr.đ)	Giải ngân đến thời điểm kiểm tra (tr.đ)		Số quyết toán A- B	Số được chấp nhận QT	Số chênh lệch giữa QT với ĐT	Số phải thu	Số phải trả	Số đã thu	Số đã trả	Ghi chú(Số CT đã thanh tra KL)
									Tạm ứng	Thanh toán								
1	NĂM 2015																	
1	Công trình: Nâng cấp, cải tạo hồ Hòn Tẻ, thôn Bàn Tận, xã Xuân Lệ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (GD 2)	Công trình thủy lợi cấp IV	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Vinasean	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty TNHH xây dựng Quyền Anh	Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Tân Triển	814	760	742	742	742	742	-72					
2	Công trình: Đường giao thông từ Thành Thượng- Thành Lập, xã Tân Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Công trình giao thông cấp IV	Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Tây Thành	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty cổ phần Hàn Lê	Công ty cổ phần Nitcom	1.070	1.050	1.050	1.050	1.050	1.050	-21					
3	Công trình: Đập, kênh thôn Nhòng, xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Công trình thủy lợi cấp IV	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Vinasean	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty TNHH giao thông thủy lợi Tuấn Hưng	Công ty TNHH đầu tư xây dựng Anh Phát Thành	1.051	1.000	1.000	1.000	1.008	1.008	-43		8			
4	Công trình: Đường giao thông thôn Lừa đi thôn Khong, xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân	Công trình giao thông cấp IV	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Vinasean	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CP tư vấn và ĐTXD THương mại An Phát	Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Minh Phương	940	890	875	875	875	875	-65					

5	Công trình: Đường giao thông nông thôn thôn Dìn đi thôn Xương, xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân	Công trình giao thông cấp IV	Công ty CPTMXD và Du lịch Lam Sơn	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CPDT XD Việt Nhật	Công ty có phần tư vấn đầu tư và xây dựng TMT	1.018	986	986	986	986	986	-31	1
6	Công trình: UBND xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà văn hóa	Công trình dân dụng cấp IV	Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Minh Đức.	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty TNHH vận tải và PTTM Thương Xuân	Công ty TNHH đầu tư xây dựng Anh Phát Thành	1.122	1.101	1.101	1.101	1.101	1.101	-21	-
7	Công trình: Nối tiếp đường 45,48 đi sông Cò Phi, thôn Cự Ac, xã Xuân Chinh, huyện Thường Xuân	Công trình giao thông cấp IV	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Vinasean	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty TNHH tư vấn và XD 276 - Thanh Hóa	Công ty CPTV đầu tư và XD Minh Phương	1.037	980	958	958	958	958	-78	-
8	Công trình: Nhà văn hóa thôn An Nhân, xã Luận Khê, huyện Thường Xuân	Công trình dân dụng cấp IV	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng TMT	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	Công ty TNHH tư vấn và xây lắp Miền Trung	801	730	730	746	746	746	-54	16
9	Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường thôn Cang Khen xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân	Công trình giao thông cấp IV	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng TMT	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty TNHH Ngọc Khánh	Công ty TNHH thương mại và XD Khai Phát	395	370	370	374	374	374	-21	4
10	Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường từ thôn Dìn đi thôn Xương xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân	Công trình giao thông cấp IV	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng TMT	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CPXD Việt Nhật	Công ty CPTMXD và Du lịch Lam Sơn	366	350	347	347	347	347	-19	-
11	NĂM 2016													

1	Đường giao thông thôn Chiềng xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân.	Công trình giao thông cấp IV	Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng TMT	Phòng Kinh tế và hạ tầng	DNTN Phú Tài	Công ty TNHH tư vấn xây dựng Bình Mậu	1.026	1.000	999	1002	1002	-24	3		
2	Nhà văn hóa thôn Hùn xã Luận Khê, huyện Thường Xuân.	Công trình dân dụng cấp III	Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng TMT	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Bình Phát	Công ty CPTV và Đầu Tư xây dựng Việt Đức	1.029	1.000	1.000	1004	1004	-25	4		
3	Đường giao thông Tân Thắng xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân.	Công trình giao thông cấp IV	Công ty CP tư vấn xây dựng Vinasean	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty TNHH vận tải và PTTM Thường Xuân	Công ty CP đầu tư phát triển xây dựng Tân Tiến	1.022	1.000	998	1001	1001	-21	3		
4	Đường giao thông từ nhà ông Sao thôn Thành Nàng đến nhà ông Thành thôn Thành Dò huyện Thường Xuân.	Công trình giao thông cấp IV	Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Phương Đông Thanh Hóa	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CP Hàn Lê	Công ty CP tư vấn và đầu tư xây dựng Đông Phong	1.030	1.000	1.000	1009	1009	-21	9		
5	Công trình nước sạch thôn Rừng, xã Bát Mọt	Công trình hạ tầng cấp IV	Công ty CP tư vấn xây dựng Sông Chu-Thành Hóa	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty TNHH tư vấn và xây dựng 276-Thanh Hóa	Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa	1.029	1.000	1.000	1007	1007	-22	7		
6	Phai đến Hón Meo, thôn Khong, xã Yên Nhân	Công trình giao thông cấp IV	Công ty CP tư vấn xây dựng Sông Chu	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CP đầu tư xây dựng Việt Nhật	Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng	1.028	1.000	998	1001	1001	-27	3		
7	Đường GT từ ngã ba thôn Hang Cầu đi thôn Quan, xã Vạn Xuân	Công trình giao thông cấp IV	Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Phương Đông Thanh Hóa	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty TNHH XD Việt Pháp	Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa	1.028	1.000	1.000	1014	1014	-14	14		
8	Nhà văn hóa xã Xuân Lạc	Công trình dân dụng cấp III	Công ty CP tư vấn và xây dựng Tây Thành	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty cp xây lắp Hoàng Thạch	Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa	1.037	1.000	1.000	1018	1018	-19	18		

9	Đường GT liên thôn từ thôn Giang đi thôn Chính, xã Xuân Chính	Công trình giao thông cấp IV	Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng TMT	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty TNHH vận tải xây dựng và KDTM	Công ty CP đầu tư phát triển xây dựng Tân Tiến	1.029	1.000	1.000	1014	1014	-15	14		
10	Duy tu Đường GT thôn Chiềng, thôn Phông thôn Dum, xã Bát Mọt	Công trình giao thông cấp IV	Công ty TNHH tư vấn thiết kế và đầu tư XD Tuấn Thành	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty TNHH xây dựng Việt Pháp	Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại Đại Tấn	636	636	636	636	636	0	0		
III	Năm 2017						0	0	0						
1	Trường tiểu học Xuân Lộc xã Xuân Lộc huyện Thường Xuân. Hạng mục: Nhà hiệu bộ 02 tầng	Công trình dân dụng cấp III	Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng TMT	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty cp đầu tư xây dựng và TM Vạn Xuân	Công ty CP tư vấn và xây dựng Tây Thành	1.856	653	596				1.260		
2	Đường GTNT thôn qun đi trường tiểu học Vạn Xuân 2 xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân	Công trình giao thông cấp IV	Công ty CP tư vấn và đầu tư xây dựng Đông Phong	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty cp đầu tư xây dựng và TM Vạn Xuân	Công ty CP tư vấn và đầu tư xây dựng Đông Phong	825	821	816				9		
3	Nhà văn hóa thôn Ngọc Trà xã Luận Khê, huyện Thường Xuân	Công trình dân dụng cấp III	Công ty CP tư vấn và xây dựng Tây Thành	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty TNHH một thành viên Long Đức Duy	Công ty CP tư vấn xây dựng và thương mại Hoàng Kiên	1.015	1.010	58	437			957		
4	Đường vào thôn Thành Lâm xã Tân Thành huyện Thường Xuân	Công trình giao thông cấp IV	Công ty CP tư vấn và đầu tư xây dựng Đông Phong	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty TNHH tư vấn xây dựng và thương mại Cường	Công ty TNHH tư vấn xây dựng và thương mại Thanh Hóa	826	819	780				46		
5	Xây mới kênh mương nội đồng thôn Cốc Chè, xã Xuân Lạc, huyện Thường Xuân	Công trình giao thông cấp IV	Công ty CP tư vấn và xây dựng Tây Thành	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CP xây dựng Trường Vinh	Công ty CP tư vấn xây dựng và thương mại Hoàng Kiên	932	640	590				333		

6	Đường giao thông từ thôn Yên Mỹ đi thôn Hún xã Luận Khê, huyện Thường Xuân	Công trình giao thông cấp IV	Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng thương mại An Bình	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CP tư vấn và xây dựng Tây Thành	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CP tư vấn và xây dựng Thương mại Thanh Hóa	2.017	2.000	1.852	165				
7	Xây mới 02 phòng học trường tiểu học Xuân Thắng, xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân	Công trình dân dụng cấp IV	Công ty CP tư vấn và xây dựng Tây Thành	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CP tư vấn và xây dựng Thương mại Thanh Hóa	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CP tư vấn và xây dựng và thương mại Hoàng Kiên	898	553	45	853				
8	Kê chống sạt lở khu nhà bán trú trường THPT THCS Yên Nhân xã Yên Nhân	Công trình dân dụng cấp IV	Công ty CP tư vấn xây dựng Vinascan	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CP tư vấn và xây dựng Thương mại Hân Lê	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CP tư vấn và đầu tư xây dựng Đông Phong	686	289	275	411				
9	Xây dựng hệ thống kênh mương Hón Lê Tú Tạo xã Xuân Chinh huyện Thường Xuân.	Công trình giao thông cấp IV	Công ty CP tư vấn xây dựng Vinascan	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CP tư vấn và xây dựng Thương mại Phúc Thịnh	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CP tư vấn và xây dựng và thương mại Hoàng Kiên	648	635	583	64				
10	Đường trần thôn Vịn xã Bất Một huyện Thường Xuân	Công trình giao thông cấp IV	Công ty CP tư vấn xây dựng Tây Thành	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CP thương mại xây dựng Việt Tiếp	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty TNHH tư vấn XD và TM Thanh Hóa	509	417	-	509				
11	Kê chống sạt lở trường mầm non thôn Lủy xã Xuân lộc, huyện Thường Xuân	Công trình giao thông cấp IV	Công ty CP tư vấn và xây dựng Tây Thành	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CP tư vấn và xây dựng 276-Thanh Hóa	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CP tư vấn và xây dựng Lam Sơn	380	379	362	19				
12	Cải tạo trường tiểu học Luận Khê 2 xã Luận Khê, huyện Thường Xuân	Công trình dân dụng cấp III	Công ty CP tư vấn xây dựng Lam Sơn	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty TNHH Quyền Anh	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty CP tư vấn và đầu tư xây dựng Đông Phong	400	399	370	21				

13	Cải tạo trạm y tế xã Xuân Chính	Công trình dân dụng cấp III	Công ty TNHH tư vấn và đầu tư xây dựng K.S	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Công ty cp đầu tư và xây dựng giao thông Hoàng Sơn	Công ty CP đầu tư phát triển xây dựng Tân Tiến	422	0	373	49							
----	---------------------------------	-----------------------------	--	--------------------------	--	--	-----	---	-----	----	--	--	--	--	--	--	--

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT
MUA MÁY MÓC NÔNG CỤ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 755/QĐ - TTG NGÀY 20/5/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
NĂM 2015 VÀ 2016**

(Kèm theo Báo cáo số 19/ ngày... M/ 7/2018 của UBND huyện Thường Xuân)

Số TT	Chi tiêu	Hỗ trợ hộ chưa có đất			Hỗ trợ hộ thiếu đất sx			Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán			Hỗ trợ mua sắm máy móc công cụ			Ghi chú (Số hộ vay)		
		Số hộ	KP NSNN	Vốn vay NHCS	Số hộ	KP NSNN	Vốn vay NHCS	Số hộ	KP NSNN	Số hộ	KP NSNN	Vốn vay NHCS				
1	Xã Bát Mọt							105	136,5		605	1.275,0	121	605	1.275,0	85
2	Xã Yên Nhân							110	143,0		600	686,8	120	600	686,8	62
3	Xã Lương Sơn							40	52,0		205	284,0	41	205	284,0	21
4	Xã Luạn Thành							85	110,5		400	210,0	80	400	210,0	14
5	Xã Ngọc Phụng							0	0,0		135	0,0	27	135	0,0	0
6	Xã Xuân Cao							113	146,9		0	0,0	0	0	0,0	0
7	Xã Xuân Cẩm							86	111,8		255	245,0	51	255	245,0	19
8	Xã Luạn Khê							265	344,5		975	598,0	195	975	598,0	50
9	Xã Xuân Thắng							114	148,2		930	925,0	186	930	925,0	63
10	Xã Xuân Lộ							42	54,6		185	303,4	37	185	303,4	22
11	Xã Vạn Xuân							107	139,1		280	183,0	56	280	183,0	13
12	Xã Xuân Chinh							247	321,1		170	207,0	34	170	207,0	14
13	Xã Xuân Lệ							51	66,3		540	738,0	108	540	738,0	50
14	Xã Tân Thành							159	206,7		50	90,0	10	50	90,0	6
	Tổng cộng							1.524	1.981,2		5.330	5.745	1.066	5.330	5.745	419